

## HƯỚNG DẪN

### **Thực hiện một số chỉ tiêu thuộc Tiêu chí môi trường trong Bộ tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Văn bản số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Ban hành Bộ tiêu chí về “*Thôn nông thôn mới*” và Bộ tiêu chí về “*Thôn kiểu mẫu*” tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025;

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc Tiêu chí môi trường trong Bộ tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi tham mưu quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, nội dung cụ thể sau:

#### **I. NGUYÊN TẮC CHUNG**

1. Bám sát các yêu cầu, nội dung, hướng dẫn của Trung ương và địa phương và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất thực hiện các chỉ tiêu của Tiêu chí môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia và bộ tiêu chí của tỉnh từ cấp thôn, xã đến cấp huyện và theo 02 mức độ đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao; thôn nông thôn mới và thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Gắn với các điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, kế thừa, phát huy các thành tựu, kết quả đạt được và khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng của giai đoạn 2010 - 2020; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường

nông thôn nhằm đạt mục tiêu xây dựng hạ tầng kinh tế nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV và Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trên cơ sở triển khai thực hiện tại các địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tổng hợp, đánh giá để tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

## **I. HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH**

### **1. Bộ tiêu chí hướng dẫn**

#### ***1.1. Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới tỉnh Lào Cai:***

- Chỉ tiêu hướng dẫn: Chỉ tiêu 12.6, 12.7.
- Nội dung hướng dẫn chi tiết: Phụ lục I kèm theo.

#### ***1.2. Bộ tiêu chí Thôn kiểu mẫu tỉnh Lào Cai***

- Chỉ tiêu hướng dẫn: Chỉ tiêu 12.4, 12.5, 12.6, 12.7.
- Nội dung hướng dẫn chi tiết: Phụ lục II kèm theo.

#### ***1.3. Bộ tiêu chí Xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai:***

- Chỉ tiêu hướng dẫn: Chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.6, 17.12, 17.13 thuộc Tiêu chí 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.
- Nội dung hướng dẫn chi tiết: Phụ lục III kèm theo.

#### ***1.4. Bộ tiêu chí Xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai:***

- Chỉ tiêu hướng dẫn:
  - + Chỉ tiêu 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.10, 17.12 thuộc tiêu chí 17 - Môi trường.
  - + Chỉ tiêu 18.8 thuộc Tiêu chí 18 - Chất lượng môi trường sống.
- Nội dung hướng dẫn chi tiết: Phụ lục IV kèm theo.

#### ***1.5. Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới tỉnh Lào Cai:***

- Chỉ tiêu hướng dẫn:
  - + Chỉ tiêu 7.1, 7.2, 7.4, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí 7 - Môi trường
  - + Chỉ tiêu 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí 8 - Tiêu chí Chất lượng môi trường sống.
- Nội dung hướng dẫn chi tiết: Phụ lục V kèm theo.

#### ***1.6. Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai:***

- Chỉ tiêu hướng dẫn:
  - + Chỉ tiêu 7.1, 7.2, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8 thuộc tiêu chí 7 - Môi trường.
  - + Chỉ tiêu 8.4, 8.5 thuộc tiêu chí 8 - Tiêu chí Chất lượng môi trường sống.
- Nội dung hướng dẫn: Phụ lục VI đính kèm.

**2. Đánh giá:** Ngoài việc đánh giá tại các Phụ lục hướng dẫn chi tiết thì hồ sơ được lập, kê khai, đánh giá chung tại các Biểu mẫu kèm theo.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường:** Tổ chức thực hiện, đánh giá, thẩm tra mức đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định về Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban chỉ đạo NTM cấp tỉnh theo đúng quy định.

### **2. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường: (1) Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện, đánh giá, thẩm tra mức đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn quản lý. (2) Tham mưu, kiểm tra, theo dõi, giám sát, báo cáo đánh giá tổng hợp các hoạt động BVMT nông thôn trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn UBND cấp xã triển khai thực hiện hoạt động BVMT tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí môi trường thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới đối với từng cấp độ và mức độ.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện lập hồ sơ đánh giá và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo theo yêu cầu quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường (*thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường, địa chỉ liên hệ: Tầng 6, khối 7, đại lộ Trần Hưng Đạo, thành phố Lào Cai*). Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan quan tâm phối hợp thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND cấp huyện; xã;
- VP Điều phối XD NTM tỉnh, huyện, xã;
- Các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Y tế;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.*Huong.*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Đình Thủy**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-STNMT ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### PHỤ LỤC I

#### Hướng dẫn Thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí 12 Bộ tiêu chí về Thôn nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu	
12. Môi trường và an toàn thực phẩm	12.7. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Cảnh quan không gian xanh:</b> Đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát</li><li>- <b>Cảnh quan không gian sạch:</b> Đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý<sup>1</sup>; kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước.</li><li>- <b>Cảnh quan không gian đẹp:</b> Đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa, cây cảnh; tỷ lệ hộ gia đình chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp</li><li>- <b>An toàn:</b> Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định<sup>2</sup>; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ<sup>3</sup>.</li></ul>	<b>Phương pháp đánh giá:</b> Thống kê điểm tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư	<b>Hồ sơ minh chứng</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy ước, hương ước, Quy định /quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng.</li><li>- Báo cáo kết quả thực hiện, bao gồm số liệu chi tiết.</li><li>- Danh sách các điểm tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư</li><li>- Hình ảnh minh họa kèm theo</li></ul>	Biểu mẫu 2

<sup>1</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 59);

<sup>2</sup> QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.16.11.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

<sup>3</sup> Luật BVMT 2020 (điểm c khoản 2 Điều 59);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
	12.7. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 30%	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành 03 loại<sup>4</sup>: (1) CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) CTR sinh hoạt khác.</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh CTR sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại thực hiện quản lý như sau<sup>5</sup>: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.</li> <li>+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.</li> <li>+ Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.</li> <li>+ CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.</li> </ul> </li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuyển CTR sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt<sup>6</sup>.</li> <li>- Trưởng thôn tổ chức tuyên truyền, vận động phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn theo quy định<sup>7</sup></li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã (không bao gồm phường, thị trấn).</li> </ul> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) =</p> <p>Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn/Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.</p>	<p><b>Hồ sơ minh chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.</li> </ul>	Biểu mẫu 4

<sup>4</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 75); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56);

<sup>5</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 4 Điều 75);

<sup>6</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 5 Điều 77);

<sup>7</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (điểm c khoản 3 Điều 63);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
	12.8. Định kỳ tối thiểu 01 lần /tuần tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b> Tổ chức cá nhân, hộ gia đình thực hiện làm vệ sinh chung toàn thôn</p> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b> Tổ chức các hoạt động vệ sinh chung toàn thôn, đảm bảo vệ sinh môi trường, không để chất thải rắn tồn đọng trên các tuyến đường, khu vực công cộng</p>	<p><b>Phương pháp đánh giá:</b> Quy chế, hương ước của thôn/bản về thực hiện vệ sinh môi trường có liên quan</p>	<p><b>Hồ sơ minh chứng</b> - Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.</p>	

**PHỤ LỤC II**

**Hướng dẫn Thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí 12 Bộ tiêu chí về Thôn kiểu mẫu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
12. Môi trường và an toàn thực phẩm	12.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	25 %	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.4 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao			Biểu mẫu 7
	12.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 50%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới			Biểu mẫu 4
	12.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn thôn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 80%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới			<i>Biểu mẫu 3</i>
	12.7. Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, thu hút được sự tham gia của cộng đồng, như: Hợp tác xã/ câu lạc bộ/tổ, đội tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng, ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường	Đạt	Hợp tác xã/ câu lạc bộ/tổ, đội tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng, ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường	<b>1. Phương pháp đánh giá</b> - Xác định mô hình bảo đảm yêu cầu/câu/quy định cụ thể.	<b>1. Hồ sơ minh chứng</b> - mô hình đảm quy định về vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.	

### PHỤ LỤC III

#### Hướng dẫn Thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí 17 Bộ tiêu chí Xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
17. Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (BVMT)	≥ 90%	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Cơ sở sản xuất, kinh doanh (SXKD) là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh”<sup>8</sup>.</li> <li>- “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”<sup>9</sup>.</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>(1) Đối với cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch<sup>10</sup>.</li> <li>- Có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); cam kết BVMT, kế hoạch BVMT, Đề án BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có Báo cáo ĐTM; Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định<sup>11</sup>.</li> <li>- Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định<sup>12</sup>.</li> <li>- Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom,</li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số lượng cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (<u>yêu cầu bắt buộc đạt 100%</u>); cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (không bao gồm cơ sở SXKD trong khu công nghiệp và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế) và trong cụm công nghiệp.</li> <li>- Không thống kê số lượng khu SXKD-DV tập trung và cụm công nghiệp (được đưa vào đánh giá ở cấp huyện).</li> <li>- Thống kê số lượng làng nghề được công nhận (bao</li> </ul>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng đối với mục (1) và (2)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản (địa chỉ, loại hình/quy mô sản xuất.</li> <li>- Quyết định phê duyệt hồ sơ môi trường (nếu có).</li> <li>- Các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện công tác BVMT của cơ sở (nếu có).</li> </ul> <p><b>2. Hồ sơ minh chứng đối với</b></p>	<b>Biểu mẫu 1</b>

<sup>8</sup> Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 (Điều 3);

<sup>9</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3);

<sup>10</sup> Luật BVMT 2020 quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch...” (điểm a khoản 1 Điều 58); Luật Quy hoạch 2017 và các văn bản liên quan;

<sup>11</sup> Luật BVMT 2020 quy định về Báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (tại Điều 30, 31, 39, 49, 171); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 25, 31, 32...);

<sup>12</sup> Luật BVMT 2020 yêu cầu về BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 3 Điều 40, Điều 53);



Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
			<p>phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định<sup>13</sup>.</p> <p>- Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định<sup>14</sup>.</p> <p>- Quản lý bụi, khí thải theo quy định<sup>15</sup>.</p> <p>- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí.</p> <p>- Ngoài ra, đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản cần đáp ứng:</p> <p>+ Quy định về quản lý nhà nước hoạt động thủy sản<sup>16</sup>.</p> <p>+ Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định<sup>17</sup>.</p> <p>+ Đáp ứng yêu cầu theo các quy định về điều kiện nuôi thủy sản như: QCVN 02-22:2015/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và BVMT; QCVN 01-80:2011/BNNPTNT - Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - Điều kiện vệ sinh thú y<sup>18</sup>...</p> <p>(2) Đối với cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường<sup>19</sup>:</p>	<p><i>gồm các cơ sở SXKD trong làng nghề</i>).</p> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <p>Tỷ lệ cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT (%) = Số cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT/Tổng số cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn x 100% (Tỷ lệ % và số lượng cụ thể).</p>	<p><b>mục (3)</b></p> <p>- Văn bản công nhận làng nghề.</p> <p>- Văn bản phê duyệt phương án BVMT làng nghề.</p> <p>- Có/không có hạ tầng BVMT.</p> <p>- Có/không có tổ chức tự quản BVMT làng nghề.</p> <p>- Hồ sơ hạ tầng BVMT.</p> <p><b>3. Hồ sơ minh chứng đối với mục (4):</b> Lồng ghép trong báo</p>

<sup>13</sup> Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải (khoản 1, 4 Điều 72); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 56, 57, 65, 66, 67, 71, 72...);

<sup>14</sup> Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải và nước thải (khoản 2, 7 Điều 72 và khoản 2, 3 Điều 86);

<sup>15</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 53, khoản 3 Điều 72, 88, 112...); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58);

<sup>16</sup> Luật Thủy sản 2017 (Điều 38, 41);

<sup>17</sup> Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN&PTNT ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam;

<sup>18</sup> Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản; Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

<sup>19</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Phụ lục 16);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch (nếu có)<sup>20</sup>.</li> <li>- Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định<sup>21</sup>.</li> <li>- CTR, CTNH được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định<sup>22</sup>.</li> <li>- Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định<sup>23</sup>.</li> <li>- Quản lý bụi, khí thải theo quy định<sup>24</sup>.</li> <li>- Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</li> </ul> <p><i>(3) Đối với làng nghề được công nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>25</sup>.</li> <li>- Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt<sup>26</sup>.</li> <li>- Có tổ chức tự quản về BVMT<sup>27</sup>.</li> <li>- Có hạ tầng về BVMT làng nghề<sup>28</sup>, bao gồm:</li> </ul> <p>+ Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu</p>	<p>cáo, biên bản đánh giá</p>	

<sup>20</sup> Luật BVMT 2020 quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch...” (điểm a khoản 1 Điều 58); Luật Quy hoạch 2017 và các văn bản liên quan;

<sup>21</sup> Luật BVMT 2020 yêu cầu về BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 3 Điều 40, Điều 53);

<sup>22</sup> Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải (khoản 1, 4 Điều 72); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 56, 57, 65, 66, 67, 71, 72...);

<sup>23</sup> Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải và nước thải (khoản 2, 7 Điều 72 và khoản 2, 3 Điều 86);

<sup>24</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 53, khoản 3 Điều 72, 88, 112...); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58);

<sup>25</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 13 Điều 168);

<sup>26</sup> Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2, 3 Điều 33);

<sup>27</sup> Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 4 Điều 33);

<sup>28</sup> Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>tiêu thoát nước của làng nghề.</p> <p>+ Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT.</p> <p>+ Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; khu xử lý CTR (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý CTR hoặc có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR nằm ngoài địa bàn.</p> <p>+ Các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT. Công trình BVMT của cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định<sup>29</sup>;</p> <p>+ Cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật BVMT năm 2020 và tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền<sup>30</sup>.</p> <p>(4) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, huyện, xã; Không có cơ sở bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong năm được đánh giá</p>			
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để	Đạt	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <p>- <b>Cảnh quan không gian xanh:</b> Đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát</p> <p>- <b>Cảnh quan không gian sạch:</b> Đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý<sup>31</sup>;</p>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <p>- Số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và</p>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <p>- Văn bản về quy hoạch có liên quan.</p> <p>- Quy ước,</p>	<p><b>Biểu mẫu 2</b></p>

<sup>29</sup> Luật BVMT 2020 (Khoản 2 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 34);

<sup>30</sup> Luật BVMT 2020 (Khoản 2 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 35);

<sup>31</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 59);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu	
	xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		<p>kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước.</p> <p>- <b>Cảnh quan không gian đẹp:</b> Đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa, cây cảnh; tỷ lệ hộ gia đình chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp</p> <p>- <b>An toàn:</b> Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định<sup>32</sup>; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ<sup>33</sup>.</p> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>Có phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, cụ thể:</p> <p><i>(1) Đối với hệ thống cây xanh</i></p> <p>- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh (gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, cây hoa và thảm cỏ...) đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:</p> <p>+ Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; không gian xanh, bao gồm không gian xanh tự nhiên (rừng, đồi, núi, thảm thực vật ven sông, hồ) và không gian xanh nhân tạo (công viên, vườn hoa, mặt nước...) phải được gắn kết với nhau thành một hệ thống liên hoàn; kết hợp với quy hoạch trồng cây phòng hộ ngoài đồng ruộng, cây chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh</p>	<p>được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý.</p> <p>- Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ.</p> <p>- Diện tích trồng cây xanh <math>\geq 2\text{m}^2/\text{người}</math>.</p> <p>- <math>\geq 70\%</math> số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh.</p>	<p>hương ước có nội dung về BVMT.</p> <p>- Quy định/quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện, bao gồm số liệu chi tiết.</p> <p>- Hình ảnh minh họa kèm theo.</p>	

<sup>32</sup> QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.16.11.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

<sup>33</sup> Luật BVMT 2020 (điểm c khoản 2 Điều 59);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>trong xã.</p> <p>+ Ưu tiên sử dụng các loại cây xanh bản địa, đặc trưng vùng miền và phù hợp với khu vực nông thôn, bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cổ thụ có giá trị. Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định<sup>34</sup>.</p> <p>+ Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng như: Trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ...</p> <p><i>(2) Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái</i></p> <p>Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.</li> <li>- Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp.</li> <li>- Có khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế (nếu có).</li> <li>- Nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.</li> <li>- Các đoạn sông, kênh, rạch trong xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải; không có tên trong danh sách khu, điểm ô nhiễm môi trường do UBND tỉnh phê duyệt.</li> </ul> <p><i>(3) Đối với đường làng ngõ xóm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tuyến đường đã được bê tông hóa hoặc rải cấp phối, đảm</li> </ul>			

<sup>34</sup> Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN&MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại;

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>bảo không lây lợi khi có mưa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã xây dựng hương ước về giữ gìn vệ sinh chung trong xã và các hộ gia đình.</li> <li>- Các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.</li> <li>- Các tuyến đường trong xã thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không xả rác bừa bãi không đúng vị trí tập kết theo quy định.</li> <li>- Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định).</li> </ul> <p><i>(4) Đối với khu vực công cộng<sup>35</sup></i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà...) không có hiện tượng xả nước thải, CTR không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.</li> <li>- Đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, xóm phải được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, quy hoạch trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan và có nước sinh hoạt, nhà vệ sinh an toàn.</li> <li>- Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng.</li> <li>- Tăng cường cải tạo ao, hồ, khu vực công cộng... thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em.</li> </ul>			

<sup>35</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 59);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu	
	17.6. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 70%	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTR là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải<sup>36</sup>.</li> <li>- CTR sinh hoạt (<i>còn gọi là rác thải sinh hoạt</i>) là CTR phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người<sup>37</sup>.</li> <li>- CTR không nguy hại (<i>CTR thông thường</i>) là CTR không thuộc danh mục CTNH hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng CTNH<sup>38</sup>.</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTR sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định (do người dân tự thu gom, xử lý hoặc/và do đơn vị có chức năng thu gom, xử lý): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt<sup>39</sup>.</li> <li>+ Xử lý CTR sinh hoạt<sup>40</sup>.</li> </ul> </li> <li>- CTR không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân loại, lưu giữ, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường<sup>41</sup>.</li> <li>+ Xử lý CTR công nghiệp thông thường<sup>42</sup>.</li> <li>+ Chất thải xây dựng<sup>43</sup>.</li> <li>+ Phụ phẩm nông nghiệp<sup>44</sup>.</li> </ul> </li> <li>- UBND xã có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại đến nhà máy xử lý hoặc bãi chôn</li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thực tế: Khảo sát các đường chính, các khu thương mại, các công viên, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng đảm bảo.</li> <li>- Thống kê số hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.</li> <li>- Thống kê khối lượng CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn.</li> </ul> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ rác sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác/ Tổng số hộ hiện có trên địa bàn x 100%.</li> <li>- Tỷ lệ CTR không nguy hại</li> </ul>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch /Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Danh sách hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn.</li> <li>- Báo cáo về công tác thu gom, xử lý chất thải CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại bao gồm: khối lượng CTR phát</li> </ul>	<p><b>Biểu mẫu 3</b></p>

<sup>36</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 19 Điều 3);

<sup>37</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 11 Điều 3);

<sup>38</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 10 Điều 3);

<sup>39</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 72, Điều 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 61, 63);

<sup>40</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 78); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 59, 62);

<sup>41</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 81);

<sup>42</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 82);

<sup>43</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 64);

<sup>44</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 61); và theo quy định, hướng dẫn của Bộ NN&PTNT;

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu	
			<p>lắp hợp vệ sinh.</p> <p>3. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, huyện, xã.</p>	<p>được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng CTR không nguy hại được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng CTR không nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100%.</p>	<p>sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.</p>	
	17.12. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥ 30%	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau<sup>45</sup>:</li> <li>+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế.</li> <li>+ Chất thải thực phẩm.</li> <li>+ CTR sinh hoạt khác.</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh CTR sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại thực hiện quản lý như sau<sup>46</sup>:</li> <li>+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.</li> <li>+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.</li> <li>+ Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.</li> <li>+ CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận</li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã (<i>không bao gồm phường, thị trấn</i>).</li> </ul> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.</p>	<p><b>Hồ sơ minh chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.</li> <li>- Báo cáo hoạt động tuyên truyền của UBND xã.</li> </ul>	<b>Biểu mẫu 4</b>

<sup>45</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 75); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56);

<sup>46</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 4 Điều 75);



Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>chuyển CTR sinh hoạt.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuyển CTR sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt<sup>47</sup>.</p> <p>- UBND xã tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn theo quy định<sup>48</sup>, trong đó UBND xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại thông qua tuyên truyền, vận động hoặc đưa vào quy ước, hương ước của địa phương.</p> <p>3. Tuân thủ các quy định về phân loại chất thải rắn của địa phương: Trụ sở UBND các xã bố trí các thùng rác để phân loại tại nguồn</p>			
	<p>17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định</p>	<p>≥ 30%</p>	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <p>- Chất thải nhựa<sup>49</sup>, bao gồm:</p> <p>+ Sản phẩm nhựa sử dụng một lần là các sản phẩm (trừ sản phẩm gắn kèm không thể thay thế) bao gồm khay, hộp chứa đựng thực phẩm, bát, đĩa, ly, cốc, dao, thìa, đĩa, ống hút, dụng cụ ăn uống khác có thành phần nhựa được thiết kế và đưa ra thị trường với chủ đích để sử dụng một lần trước khi thải bỏ ra môi trường<sup>50</sup>.</p> <p>+ Bao bì nhựa khó phân hủy sinh học là bao bì có thành phần chính là polyme có nguồn gốc từ dầu mỏ như nhựa Polyme Etylen (PE), Polypropylen (PP), Polyme Styren (PS), Polyme Vinyl Clorua (PVC), Polyethylene Terephthalate (PET) và thường khó phân hủy, lâu phân hủy trong môi trường thải bỏ (môi trường nước, môi trường đất hoặc tại bãi chôn lấp CTR)<sup>51</sup>.</p>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <p>- Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn theo các nguồn được nêu tại mục 1.</p> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <p>Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý (%) = Khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn x 100%.</p>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng (1) (2)</b></p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm số liệu chi tiết.</p>	<p><b>Biểu mẫu 5</b></p>

<sup>47</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 5 Điều 77);

<sup>48</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (điểm c khoản 3 Điều 63);

<sup>49</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 73);

<sup>50</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 14 Điều 3);

<sup>51</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 15 Điều 3);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>- Nguồn gốc phát sinh chất thải nhựa<sup>52</sup>:</p> <p>+ Từ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch (nếu có).</p> <p>+ Tự hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, hoạt động SXKD-DV và từ các khu vực công cộng.</p> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>- Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định<sup>53</sup>:</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông và đại dương.</p> <p>+ Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý theo quy định (<i>áp dụng đối với danh mục A.3. Bao bì nhựa tại Phụ lục 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT</i>)<sup>54</sup>.</p> <p>+ Có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.</p> <p>+ Thực hiện Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa của tỉnh giai đoạn 2020-2025: Kết quả tổ chức các hoạt động tuyên truyền của UBND xã; việc ký cam kết giảm thiểu</p>			

<sup>52</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 66, khoản 2 Điều 73);

<sup>53</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1, 2, 4 Điều 73);

<sup>54</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 77, 78, 79);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			chất thải nhựa theo lộ trình.			

## PHỤ LỤC IV

### Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia Xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
17. Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT	<b>Đạt</b>	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu kinh doanh, dịch vụ (nếu có);</li> <li>- Khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm); khu nuôi trồng thủy sản (nếu có).</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>Có hạ tầng kỹ thuật BVMT, bao gồm: Hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác<sup>55</sup>, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.</li> <li>- Thực hiện quan trắc môi trường theo quy định<sup>56</sup>.</li> <li>- Có công trình BVMT theo quy định, bao gồm<sup>57</sup>: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, CTR và CTNH.</li> <li>+ Công trình thu gom, lưu giữ CTR là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển CTR đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế.</li> <li>+ Công trình BVMT khác.</li> <li>+ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường hương</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có/không có hạ tầng kỹ thuật về BVMT.</li> </ul>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ về hệ thống thu gom, thoát nước mưa;</li> <li>- Báo cáo giám sát môi trường định kỳ (số liệu quan trắc môi trường);</li> <li>- Hồ sơ công trình BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> </ul>	<b>Biểu mẫu 6</b>

<sup>55</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 24 Điều 3);

<sup>56</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 111, 112);

<sup>57</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 46);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			ước, quy ước của địa phương.			
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	100%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới			<b>Biểu mẫu 1</b>
	17.3. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định	≥ 80%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới			<b>Biểu mẫu 3</b>
	17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	25 %	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động SXKD-DV, sinh hoạt hoặc hoạt động khác<sup>58</sup>.</li> <li>- Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...<sup>59</sup></li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BVMT đối với hộ gia đình<sup>60</sup>:</li> <li>+ Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây</li> </ul>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.</li> </ul> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực</p>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách các hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai).</li> </ul>	<b>Biểu mẫu 7</b>

<sup>58</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 9 Điều 3);

<sup>59</sup> Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (khoản 8 Điều 3); Điều 4: “Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về BVMT khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương”; Điều 23 quy định về xử lý nước thải phi tập trung: “Việc áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải đạt được hiệu quả về kinh tế và BVMT, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường”;

<sup>60</sup> Luật BVMT 2020 (điểm b, e khoản 1 Điều 60);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định. - Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác <sup>61</sup> .	hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.		
	17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥50%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh			<b>Biểu mẫu 4</b>
	17.6. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về BVMT	<b>100%</b>	<b>1. Đối tượng/phạm vi</b> - CTNH là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác <sup>62</sup> . - CTR nguy hại tại chỉ tiêu này gồm: CTNH phát sinh từ hoạt động SXKD và trong sinh hoạt hộ gia đình, tổ chức; không bao gồm chất thải y tế nguy hại và bao gói thuốc BVTV. <b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b> - Thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định: + Bệnh viện, cơ sở y tế khác phải đáp ứng yêu cầu về BVMT <sup>63</sup> .	<b>1. Phương pháp đánh giá</b> - Thống kê khối lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn. <b>2. Phương pháp xác định</b> - Tỷ lệ CTR nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng CTR nguy hại được thu gom, xử lý/ Tổng khối	<b>1. Hồ sơ minh chứng</b> - Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Báo cáo về công tác thu gom, xử lý chất thải CTR nguy hại bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.	<i>Biểu mẫu 8</i>

<sup>61</sup> Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (xử lý nước thải phi tập trung) (khoản 4 Điều 1);

<sup>62</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 20 Điều 3);

<sup>63</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 62); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			+ Thực hiện theo quy định về quản lý CTNH <sup>64</sup> . - Thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định <sup>65</sup> . - Thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh từ hoạt động SXKD <sup>66</sup> .	lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100%.		
	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 5%	<b>1. Đối tượng/phạm vi</b> - Hỏa táng (bao gồm cả điện táng) là thực hiện việc thiêu thi hài hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao <sup>67</sup> . <b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể:</b> - Phải được thực hiện tại cơ sở hỏa táng theo quy định của pháp luật về mai táng, hỏa táng <sup>68</sup> .	<b>1. Phương pháp xác định</b> Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%) = Số ca hỏa táng/ Số ca tử vong trên địa bàn x 100%.	<b>1. Hồ sơ minh chứng</b> Báo cáo về việc thực hiện hình thức hỏa táng trên địa bàn (có số liệu cụ thể).	<i>Biểu mẫu 9</i>
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã NTM			<i>Biểu mẫu 5</i>
18. Chất lượng môi	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi		<b>1. Đối tượng/phạm vi</b> - Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt (nếu có). <b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b>	<b>1. Phương pháp đánh giá</b> - Thống kê số lượng bãi chôn lấp CTR sinh	<b>1. Hồ sơ minh chứng</b> - Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có	<i>Biểu mẫu 10</i>

<sup>64</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 83, 84); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 68, 69, 70); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 42);

<sup>65</sup> Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 43);

<sup>66</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 71); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2 Điều 70);

<sup>67</sup> Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng (khoản 10 Điều 2);

<sup>68</sup> Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định: Cơ sở hỏa táng là cơ sở vật chất bao gồm lò hỏa táng và các công trình phụ trợ khác (khu văn phòng, khu kỹ thuật, khu lưu trữ tro cốt, nhà tang lễ, các công trình hạ tầng kỹ thuật) (khoản 12 Điều 2, Điều 19);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
trường sống	trường		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động phải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định<sup>69</sup>.</li> <li>- Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp CTR sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về BVMT<sup>70</sup>.</li> </ul>	<p>hoạt đang hoạt động trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê số lượng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp CTR sinh hoạt không hợp vệ sinh hiện có.</li> </ul> <p><b>2. Phương pháp xác định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (%) = <math>\frac{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường}}{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hiện có trên địa bàn}} \times 100\%</math>.</li> </ul>	<p>thẩm quyền phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về quản lý các bãi chôn lấp trên địa bàn gồm: Danh sách, biện pháp quản lý, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.</li> </ul>

<sup>69</sup> QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp CTR; TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về BVMT; QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng;

<sup>70</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 80);



## PHỤ LỤC V

### Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia Huyện nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
7. Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý CTR trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về BVMT; tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh	Đạt	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTR là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải<sup>72</sup>.</li> <li>- CTNH là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác<sup>73</sup>.</li> <li>- CTR sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là CTR phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người<sup>74</sup>.</li> <li>+ CTR thông thường là CTR không thuộc danh mục CTNH hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng CTNH<sup>75</sup>.</li> <li>- Chất thải công nghiệp là chất thải phát sinh từ hoạt động SXKD-DV, trong đó bao gồm CTNH, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và CTR công nghiệp thông thường<sup>76</sup>.</li> <li>- CTNH là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác<sup>77</sup>; CTNH bao gồm:</li> <li>+ Chất thải y tế và chất thải y tế nguy hại<sup>78</sup>, bao gồm<sup>79</sup>:</li> </ul>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra hệ thống thu gom, vận chuyển trên địa bàn.</li> <li>- Kiểm tra hệ thống xử lý chất thải hiện có (quy mô, công suất, tình trạng hoạt động).</li> </ul> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp (%) = <math>\frac{\text{Khối lượng CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp}}{\text{Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn}} \times 100\%</math>.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án /kế hoạch quản lý CTR trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt.</li> <li>- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận kế hoạch BVMT, hoặc hồ sơ tương đương theo quy định</li> </ul>	Biểu mẫu 11; 12

<sup>71</sup> Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>72</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 19 Điều 3);

<sup>73</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 20 Điều 3);

<sup>74</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 11 Điều 3);

<sup>75</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 10 Điều 3);

<sup>76</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 12 Điều 3);

<sup>77</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 20 Điều 3);

<sup>78</sup> Luật BVMT 2020 (điểm b khoản 1 Điều 62);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
			<p>Chất thải y tế thông thường; CTNH không lây nhiễm; chất thải lây nhiễm.</p> <p>+ Bao gói thuốc BVTV<sup>80</sup>.</p> <p>- Hệ thống thu gom, xử lý CTR bao gồm:</p> <p>+ Tổ, đội thu gom, vận chuyển.</p> <p>+ Thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển.</p> <p>+ Các điểm tập kết, trạm chung chuyển<sup>81</sup>.</p> <p>+ Bãi chôn lấp, khu xử lý CTR tập trung<sup>82</sup>.</p> <p>- <i>Chôn lấp trực tiếp</i> là việc chôn lấp chất thải sinh hoạt không qua các công đoạn xử lý chất thải (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) tại các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh<sup>83</sup> “được quy hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành hợp kỹ thuật vệ sinh để chôn lấp CTR”.</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>- <i>Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn:</i></p> <p>+ Phân loại, lưu giữ, chuyển giao, thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt<sup>84</sup>.</p> <p>+ Yêu cầu kỹ thuật về BVMT đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt<sup>85</sup>.</p> <p>+ Yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển<sup>86</sup>.</p>	<p>của pháp luật về BVMT đối với khu xử lý CTR trên địa bàn huyện (Bãi chôn lấp CTR; Lò đốt CTR công nghiệp; Lò đốt CTR y tế; Lò đốt CTR sinh hoạt).</p> <p>- Quyết định thành lập tổ, đội vệ sinh môi trường hoặc Hợp đồng dịch vụ thu gom đối với đơn vị có chức năng.</p>	

<sup>79</sup> Luật BVMT 2020 (điểm b khoản 1 Điều 62); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

<sup>80</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 3 Điều 61);

<sup>81</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 3 Điều 3);

<sup>82</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 5 Điều 3);

<sup>83</sup> QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng;

<sup>84</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 75, 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63);

<sup>85</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 76); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 26);

<sup>86</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 27);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
			<p>- Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với CTR công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý<sup>87</sup>.</li> <li>+ Yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển<sup>88</sup>.</li> </ul> <p>- Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với CTNH phát sinh trên địa bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân định, phân loại CTNH<sup>89</sup>.</li> <li>+ Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTNH (thiết bị, khu vực lưu chứa)<sup>90</sup>, trong đó bao gồm thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng và CTR y tế theo quy định<sup>91</sup>.</li> <li>- Phương tiện vận chuyển CTNH<sup>92</sup>.</li> <li>- Bãi chôn lấp chất thải, khu xử lý CTR tập trung:</li> <li>+ Bãi chôn lấp CTR (nếu có) phải tuân thủ tiêu chuẩn/quy chuẩn xây dựng Việt Nam về bãi chôn lấp CTR; nước thải từ bãi chôn lấp phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải bãi chôn lấp (QCVN 25:2009/BTNMT)<sup>93</sup>.</li> </ul>		

<sup>87</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 81); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 65, 66, 67); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 33);

<sup>88</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 34);

<sup>89</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 68);

<sup>90</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 83); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 69, 70);

<sup>91</sup> Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 35, 36, 42, 43);

<sup>92</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 37);

<sup>93</sup> QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng; TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về BVMT;

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>+ Đóng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động<sup>94</sup>.</p> <p>+ Khu xử lý CTR tập trung (nếu có) phải đáp ứng yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Nằm trong quy hoạch tỉnh<sup>95</sup>.</li> <li>* Có Báo cáo ĐTM; Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định<sup>96</sup>.</li> <li>* Lò đốt CTR công nghiệp thông thường (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR công nghiệp (QCVN 30:2012/BTNMT).</li> <li>* Lò đốt CTR y tế (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR y tế (QCVN 02:2012/BTNMT), không sử dụng để đốt CTR công nghiệp và sinh hoạt.</li> <li>* Lò đốt CTR sinh hoạt (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR sinh hoạt (QCVN 61-MT:2016/BTNMT), không sử dụng để đốt CTR công nghiệp và y tế.</li> </ul>			
	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥40%	<p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 17.5 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao</p> <p>1) Phương pháp đánh giá</p> <p>- Số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện.</p> <p>2) Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện x 100%.</p>			Biểu mẫu 4

<sup>94</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 32);

<sup>95</sup> Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (điểm c khoản 1 Điều 10);

<sup>96</sup> Luật BVMT 2020 quy định về Báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (Điều 30, 31, 39, 49);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥01 công trình	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; đảm bảo vị trí của trạm/nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đi vào hoạt động ổn định 1 năm trở lên.</li> </ul> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý;</li> <li>+ Các công nghệ áp dụng để thực hiện xử lý nước thải<sup>97</sup>: Bể tự hoại; bể lọc kỵ khí có vách ngăn; bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dòng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu - kỵ khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ; các công nghệ khác.</li> <li>- Công suất hệ thống xử lý nước phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa.</li> <li>- Xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về BVMT<sup>98</sup>; quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý đảm bảo yêu cầu quy định<sup>99</sup>.</li> <li>- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.</li> <li>- Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.</li> <li>- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý</li> </ul>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra công tác đầu tư, vận hành và hoạt động của công trình.</li> </ul> <p>2. Phương pháp xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.</li> </ul>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án/kế hoạch quản lý chất nước thải địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt.</li> <li>- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt đi vào hoạt động; có đơn vị quản lý và vận hành.</li> <li>- Có cam kết chi trả phí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải của các hộ đầu nối vào công trình.</li> </ul>	Biểu mẫu 13

<sup>97</sup> Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng (khoản 4 Điều 1);

<sup>98</sup> QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

<sup>99</sup> Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (Điều 24); Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng (Điều 4);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tỉnh <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			theo quy định của pháp luật về quản lý CTR; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý CTNH <sup>100</sup> .			
	7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về BVMT, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu công nghiệp<sup>101</sup> được bao gồm trong khái niệm Khu SXKD-DV tập trung (Khu SXKD-DV tập trung gồm <i>khu công nghiệp</i>, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế).</li> <li>- Cụm công nghiệp<sup>102</sup>.</li> <li>- “<i>Làng nghề</i> là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”<sup>103</sup>.</li> </ul> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>a) <i>Đối với KCN:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hạ tầng BVMT theo quy định<sup>104</sup>.</li> <li>- Ban quản lý KCN của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có bộ phận chuyên môn về BVMT, có nhân sự phụ trách về BVMT được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm<sup>105</sup>.</li> <li>- Trách nhiệm của các bên liên quan<sup>106</sup>.</li> </ul>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê KCN, CCN, làng nghề trên địa bàn huyện (<i>thực hiện và chưa thực hiện quy định về BVMT</i>).</li> <li>- Diện tích cây xanh tối thiểu là 10% diện tích toàn KCN, CCN.</li> </ul>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản công nhận/phê duyệt thành lập KCN, CCN, làng nghề.</li> <li>- Văn bản phê duyệt phương án BVMT làng nghề.</li> <li>- Hồ sơ về hạ tầng kỹ thuật về BVMT.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện công tác BVMT.</li> </ul>	Biểu mẫu 14

<sup>100</sup> Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (Điều 25); Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (Điều 2, 3);

<sup>101</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 37 Điều 3);

<sup>102</sup> Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (khoản 1 Điều 2);

<sup>103</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3);

<sup>104</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 51); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 48);

<sup>105</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 2 Điều 52);

<sup>106</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 3, 4, 5 Điều 51); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 49);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh KCN, kho tàng và CCN với chiều rộng <math>\geq 10</math> m; trồng cây xanh theo quy định<sup>107</sup>.</li> <li><i>b) Đối với CCN:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hạ tầng BVMT theo quy định<sup>108</sup>.</li> <li>- Trách nhiệm các bên liên quan <sup>109</sup>.</li> </ul> </li> <li>- Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh KCN, kho tàng và CCN với chiều rộng <math>\geq 10</math> m; trồng cây xanh theo quy định<sup>110</sup>.</li> <li><i>c) Đối với làng nghề:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>111</sup>.</li> <li>- Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt<sup>112</sup>.</li> <li>- Có tổ chức tự quản về BVMT<sup>113</sup>.</li> <li>- Có hạ tầng về BVMT làng nghề<sup>114</sup>, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề.</li> <li>+ Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>			

<sup>107</sup> QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.5.3) (ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

<sup>108</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1,2 Điều 52); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 48);

<sup>109</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 3, 5, 6); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 49);

<sup>110</sup> QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.5.3) (ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

<sup>111</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25);

<sup>112</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2, 3 Điều 33);

<sup>113</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3 Điều 33);

<sup>114</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56);

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			cầu về BVMT. + Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; khu xử lý CTR (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý CTR hoặc có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR nằm ngoài địa bàn.			
	7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	≥50%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới			Biểu mẫu 5
	7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định	100%	1. Đối tượng/phạm vi - Các điểm tập kết, trạm chung chuyển CTR sinh hoạt. 2. Yêu cầu/quy định cụ thể - Yêu cầu kỹ thuật về BVMT đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt <sup>115</sup> .	1. Phương pháp đánh giá - Thống kê số lượng điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt hiện có trên địa bàn. 2. Phương pháp xác định - Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định (%) = Tổng số điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định/ Tổng số điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh	1. Hồ sơ minh chứng - Kế hoạch /Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Báo cáo về quản lý các điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn.	Biểu mẫu 15

<sup>115</sup> Luật BVMT 2020 (Điều 76); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 26);



Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu tính <sup>71</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
				hoạt hiện có trên địa bàn x 100%.		
8. Chất lượng môi trường sống	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>- “<i>Nước mặt</i>” là nước chảy qua hoặc đọng lại trên mặt đất, sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm<sup>116</sup>.</p> <p>2. Yêu cầu /quy định cụ thể</p> <p>Xây dựng và ban hành Kế hoạch/Đề án thực hiện các hoạt động BVMT nước mặt<sup>117</sup>, bao gồm:</p> <p>- Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt.</p> <p>- Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.</p> <p>- Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm trên địa bàn.</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>- Kế hoạch/ Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>- Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt.</p>	Biểu mẫu 16
	8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	<p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.3 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (<i>bổ sung thêm cách xác định cảnh quan không gian sáng</i>)</p> <p>- Cảnh quan không gian sáng: Đường xã, liên xã, liên thôn được xây dựng/lắp đặt hệ thống chiếu sáng tối thiểu 50%.</p>			Biểu mẫu 2

**Ghi chú:**

- UBND cấp huyện: tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND cấp huyện.

<sup>116</sup> QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt: “*Nước mặt là nước chảy qua hoặc đọng lại trên mặt đất, sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm*”;

<sup>117</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 8);

## PHỤ LỤC VI

### Hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí Quốc gia Huyện Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao <sup>118</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	Biểu mẫu
7. Môi trường	7.1. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 17.3 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao		Biểu mẫu 3
	7.2. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	100%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao		Biểu mẫu 8
	7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	≥70%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, chỉ tiêu 17.5 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới ( <i>cách xác định và đánh giá theo chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới</i> )		Biểu mẫu 4
	7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥50%	<b>1. Đối tượng/phạm vi</b> - Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động SXKD-DV, sinh hoạt hoặc hoạt động khác <sup>119</sup> . - Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân... <sup>120</sup>	<b>1. Phương pháp đánh giá</b> - Thống kê khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia; tổ chức. <b>2. Phương pháp</b>	<b>1. Hồ sơ minh chứng</b> - Danh sách cá nhân, tổ chức thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện

<sup>118</sup> Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 1355/UBND-NLN ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc V/v triển khai Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới; thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021-2025

<sup>119</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 9 Điều 3);

<sup>120</sup> Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (khoản 8 Điều 3); Điều 4: “Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về BVMT khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương”; Điều 23 quy định về xử lý nước thải phi tập trung: “Việc áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải đạt được hiệu quả về kinh tế và BVMT, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường”;

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao <sup>118</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định<sup>121</sup>.</li> <li>+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư tập trung phải được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải<sup>122</sup>.</li> <li>+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận<sup>123</sup>.</li> <li>+ Nước thải từ khu dân cư tập trung xả vào nguồn tiếp nhận hoặc công trình thủy lợi phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường<sup>124</sup>.</li> <li>- Yêu cầu về thoát nước thải<sup>125</sup>:</li> <li>+ Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.</li> <li>+ Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước</li> </ul>	<p><b>xác định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = <math>\frac{\text{Khối lượng nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp}}{\text{Tổng khối lượng nước thải phát sinh trên địa bàn huyện}} \times 100\%</math>.</li> </ul>	<p>pháp phù hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai nếu có).</p>	

<sup>121</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 2 Điều 72);

<sup>122</sup> Luật BVMT 2020 (điểm a khoản 2 Điều 86);

<sup>123</sup> Luật BVMT 2020 (khoản 4 Điều 86);

<sup>124</sup> Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (khoản 1, 3, 6 Điều 4);

<sup>125</sup> QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (Mục 2.16.15) (ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng);

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao <sup>118</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>thải phát sinh để xử lý. Đối với khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt <math>\geq 60\%</math> lượng nước thải phát sinh.</p> <p>- Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác<sup>126</sup>.</p>			
	7.8. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <p>- “<i>Làng nghề</i> là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”<sup>127</sup>.</p> <p>- Là làng nghề được công nhận theo quy định<sup>128</sup>.</p> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>- Không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường kéo dài trong làng nghề; không có cơ sở sản xuất trong làng nghề có hành vi vi phạm quy định về xả nước thải, thải bụi, khí thải, gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải hoặc chôn, lấp, đổ, thải CTR, CTNH trái quy định về BVMT, đến mức bị áp dụng</p>	<p><b>1. Phương pháp xác định</b></p> <p>- Không có cơ sở sản xuất hoặc làng nghề trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài (của Trung ương và cấp tỉnh).</p>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu cụ thể).</p> <p>- Các kết quả giám sát, thanh tra/kiểm tra.</p> <p>- Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).</p>	

<sup>126</sup> Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (xử lý nước thải phi tập trung) (khoản 4 Điều 1);

<sup>127</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3);

<sup>128</sup> Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 13 Điều 168);

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao <sup>118</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			<p>hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tiếp tục tái phạm và hết thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm vẫn chưa khắc phục được<sup>129</sup>.</p> <p>- Chất lượng môi trường nước mặt, đất, không khí tại làng nghề đảm bảo không vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng.</p>			
	7.9. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.13 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 7.7 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới			Biểu mẫu 5
8. Chất lượng môi trường sống	8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về BVMT	≥01 mô hình	<p><b>1. Đối tượng/phạm vi</b></p> <p>- “Nước mặt” là nước chảy qua hoặc đọng lại trên mặt đất, sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm<sup>130</sup>.</p> <p><b>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</b></p> <p>- Cải tạo bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo diện tích mặt nước công cộng, hệ sinh thái nước mặt tự nhiên đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, BVMT và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích.</p> <p>- Khu vực nước mặt (ao, hồ) ô nhiễm được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi</p>	<p><b>1. Phương pháp đánh giá</b></p> <p>- Xác định mô hình nước mặt (ao, hồ) bảo đảm yêu cầu/quy định cụ thể tại mục 2.</p>	<p><b>1. Hồ sơ minh chứng</b></p> <p>- Công trình/mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về BVMT tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.</p>	

<sup>129</sup> Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3, 4 Điều 35);

<sup>130</sup> QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt: “Nước mặt là nước chảy qua hoặc đọng lại trên mặt đất, sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm”.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao <sup>118</sup>	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá		Biểu mẫu
			trường đáp ứng quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định <sup>131</sup> . - Thực hiện các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nước mặt (ao, hồ) thành điểm vui chơi, giải trí... tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.			
	8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.3 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 8.4 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới - <b>Cảnh quan không gian sáng:</b> Đường xã, liên xã, liên thôn được xây dựng/lắp đặt hệ thống chiếu sáng tối thiểu 70%.			<i>Biểu mẫu 2</i>

**Ghi chú:**

- UBND cấp huyện: tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND cấp huyện.

<sup>131</sup> QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

## MẪU BIỂU KÈM THEO PHỤ LỤC

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-STNMT ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### Phụ biểu 1: Danh mục cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Danh mục cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Quy mô sản xuất	Phù hợp với quy hoạch	Hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường	Các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện công tác BVMT của cơ sở theo quy định (hạng mục xử lý chất thải;nộp thuế, phí...)	Tổ chức tự quản về môi trường (Đối với làng nghề)	Đánh giá chung (đạt/không đạt)
1									
2									
3									

### Phụ biểu 2: Chất lượng cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Thôn/xã/huyện	Phương án xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; hương ước, quy ước BVMT	Quy định/quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ	Tỷ lệ Đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát (km;%)	Tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn đảm bảo vệ sinh môi trường; trang bị thùng đựng rác hoặc điểm tập kết rác hợp lý (%)	Kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước (tuyên;%)	Đường trục thôn, liên thôn, khu vực công cộng đảm bảo vệ sinh môi trường (tuyên; % đạt)	Hộ gia đình chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp (Hộ; % đạt)	Diện tích cây xanh (m <sup>2</sup> /người)	Số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh (hộ; %)	Tỷ lệ hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn (km;%)	Khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý (khu vực; %)	Đánh giá chung (đạt/không đạt)
1													
2													

**Ghi chú:** Các nội dung có thể thực hiện ở quy mô xã hoặc thôn

**Phụ biểu 3: Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Thôn /xã /huyện	Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Có/không)	Khối lượng chất thải rắn phát sinh (tấn/ngày hoặc tấn/năm)	Tỷ lệ được thu gom (hộ được thu gom/tổng số hộ; %)	Tỷ lệ được xử lý (%)	Biện pháp thu gom, xử lý	Đơn vị thu gom/xử lý	Chất lượng môi trường các tuyến đường chính, khu thương mại, công viên, điểm tập trung dân cư, đầu mối giao thông, khu vực công cộng (đảm bảo VS/Không đảm bảo VS)	Đánh giá chung (đạt/không đạt)
1									
2									

**Ghi chú:** Các nội dung có thể thực hiện ở quy mô xã hoặc thôn

**Phụ biểu 4: Tình hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Thôn /xã/huyện	Kế hoạch/Phương án phân loại chất thải rắn tại nguồn	Số hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn (hoạt động/năm)	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (số hộ thực hiện/tổng số hộ; %)	Đánh giá chung (đạt/không đạt)
1					
2					

**Phụ biểu 5: Tình hình giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Thôn	Kế hoạch/Phương án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa	Hoạt động Ký cam kết giảm thiểu sử dụng chất thải nhựa 1 lần, nilong khó phân hủy (hộ ký cam kết/tổng số hộ;%)	Số hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa (hoạt động/năm)	Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý (Khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh;%)	Các Mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa (ghi rõ tên mô hình)	Đánh giá chung (đạt/không đạt)
1							
2							



**Phụ biểu 6: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Danh mục cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Quy mô sản xuất	Phù hợp với quy hoạch (có/không)	Hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường	Hồ sơ công trình BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Báo cáo giám sát môi trường định kỳ	Đánh giá chung (đạt/ không đạt)
1									
2									
3									

**Phụ biểu 7: Danh sách hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Khối lượng nước thải phát sinh (ngày/đêm)	Công trình/biện pháp xử lý đã triển khai (*)	Đánh giá chung (đạt/ không đạt)
1					
2					
3					

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.

(\*) Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dù ng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác.

**Phụ biểu 8: Tình hình thu gom, xử lý CTR nguy hại trên địa bàn**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Loại chất thải	Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Khối lượng CTR nguy hại phát sinh	Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt yêu cầu	Biện pháp thu gom, xử lý	Đơn vị thu gom, xử lý	Đánh giá chung (đạt/ không đạt)
1	Chất thải y tế nguy hại						
2	Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng						

**Phụ biểu 9: Tình hình sử dụng hình thức hỏa táng**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Thôn/xã	Số ca tử vong trên địa bàn	Số ca hỏa táng	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	Đánh giá chung (đạt/ không đạt)
1					
2					

**Phụ biểu 10: Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường**

Thôn/xã/huyện: .....

TT	Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt	Hiện trạng sử dụng (Đã đóng cửa đảm bảo vệ sinh/đã đóng cửa chưa đảm bảo vệ sinh/đang hoạt động)	Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Biện pháp quản lý, xử lý	Đánh giá chung (đảm bảo vệ sinh/không đảm bảo VS)
1	Bãi thái...				
2					
3					

\* Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (%) = Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường / Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hiện có trên địa bàn x 100%.

**Phụ biểu 11: Hệ thống thu gom, xử lý CTR trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về BVMT**

Huyện:.....

TT	Loại chất thải	Đề án/kế hoạch quản lý CTR trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt	Tổ đội thu gom, xử lý (Quyết định thành lập hoặc Hợp đồng dịch vụ)	Thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển		Các điểm tập kết, trạm chung chuyên (điểm)	Phương án xử lý	Tỷ lệ phân loại tại nguồn (%)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp (%)	Khả năng đáp ứng yêu cầu/quy định
				Loại	Số lượng					
1	Chất thải rắn sinh hoạt									
2	CTR công nghiệp thông thường									
3	Chất thải nguy hại									

**Phụ biểu 12: Công trình xử lý chất thải trên địa bàn**

**Huyện:.....**

TT	Công trình tập kết, xử lý chất thải (*)	Phù hợp quy hoạch	Quy mô, công suất	Tình trạng hoạt động	Phương pháp xử lý	Hồ sơ pháp lý về BVMT	Tổ đội thu gom, vận chuyển	Khả năng đáp ứng yêu cầu/quy định
1	Bãi thải...							
2								
3								

*Công trình tập kết xử lý CTR trên địa bàn huyện (Bãi chôn lấp CTR; Lò đốt CTR công nghiệp; Lò đốt CTR y tế; Lò đốt CTR sinh hoạt; điểm tập kết chất thải).*

**Phụ biểu 13: Danh sách công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung**

**Huyện:.....**

TT	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất từ 200m <sup>3</sup> /ngày trở lên; hoạt động ổn định 1 năm trở lên)	Hiện trạng vận hành	Đề án/kế hoạch quản lý nước thải kèm theo Quyết định phê duyệt	Phù hợp với quy hoạch	Công suất	Công nghệ	Đơn vị vận hành, quản lý	Phương án xử lý, vận hành, phòng ngừa sự cố đảm bảo	Có cam kết chi trả phí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải của các hộ đầu nối vào công trình	Đánh giá chung (đạt /Không đạt)
1										
2										
3										

**Phụ biểu 14: Danh sách khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường**

**Huyện:.....**

TT	Khu công nghiệp, CCN, làng nghề	Văn bản công nhận/phê duyệt thành lập KCN, CCN, làng nghề	Hồ sơ pháp lý về BVMT (QĐ phê duyệt ĐTM, đề án, phương án BVMT...)	Hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu BVMT	Bộ phận chuyên môn /tự quản về BVMT	Đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ cây xanh (%); dải phân cách	Đánh giá chung (đạt /Không đạt)
1							
2							
3							

**Phụ biểu 15: Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định**

**Huyện:.....**

TT	Điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt	Địa chỉ	Kế hoạch /Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT
1				
2				

**Phụ biểu 16: Tình hình kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện**

**Huyện:.....**

TT	Huyện	Kế hoạch/ Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt.	Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước	công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao	Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm trên địa bàn.
1						
2						

**Phụ biểu 17: Danh sách tổ chức cá nhân thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả**

**Thôn/xã/huyện: .....**

TT	Cá nhân, tổ chức	Địa chỉ	Khối lượng nước thải phát sinh (ngày/đêm)	Công trình/biện pháp xử lý đã triển khai (*)	Đánh giá chung (đạt/ không đạt)
1					
2					

Tỷ lệ tổ chức, cá nhân thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.

(\*) Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác.